

Bản án số: 105/2020/HC-PT
Ngày: 27/5/2020
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vân;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Ngọc,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 417/2019/TLPT-HC ngày 10/12/2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3630/2020/QĐ-PT ngày 13/5/2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc T và ông Bùi Quang A; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) và UBND tỉnh T.

Địa chỉ: 35 Đại lộ L, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình X - Chủ tịch UBND tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Q - Phó Chủ tịch UBND tỉnh T; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch UBND và UBND huyện M, tỉnh T.

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện M, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình M - Chủ tịch UBND huyện M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc D - Phó Chủ tịch UBND huyện M; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã X, huyện M, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn M - Chủ tịch UBND xã X; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Các thành viên hộ bà Đinh Thị Đ: Anh Bùi Văn V, chị Bùi Thị M (đều ủy quyền cho ông Bùi Ngọc T, ông Bùi Quang A); vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh T.

Người kháng cáo: Bà Đinh Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/11/2004, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh T ban hành Quyết định số 3506/QĐ-UB thu hồi 158.784m² đất tại xã X, huyện M giao cho Ban Quản lý Dự án 5 - Bộ Giao thông vận tải để xây dựng đường Hồ Chí Minh từ Km 95+600 đến Km 100. Theo đó, hộ gia đình ông Bùi Văn C, bà Đinh Thị Đ bị thu hồi 1.243m² đất trồng màu tại thửa 146, tờ bản đồ số 6 và 266m² đất trồng màu tại thửa 196, tờ bản đồ 08, bản đồ tuyến đường Hồ Chí Minh.

Chủ tịch UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004, Quyết định số 4205/QĐ-CT ngày 24/12/2004, Quyết định số 457/QĐ-CT ngày 15/02/2005 và Quyết định số 526/QĐ-CT ngày 23/02/2005 về việc phê duyệt dự toán bồi thường thực hiện Dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95+600 đến Km 100 qua X, huyện M, tỉnh T. Theo đó, gia đình ông Bùi Văn C, bà Đinh Thị Đ được bồi thường đất trồng màu với giá 9.800đ/m². Hộ ông C, bà Đ đã nhận đủ số tiền bồi thường về đất là 14.788.200đ.

Năm 2006, UBND tỉnh T thu hồi bổ sung 400m² đất ở, 119m² đất vườn của hộ ông C, bà Đ tại thửa số 196, tờ bản đồ 06, bản đồ tuyến đường Hồ Chí Minh.

Ngày 25/01/2006, UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 268/QĐ-UBND phê duyệt dự toán đền bù giải phóng mặt bằng bổ sung. Theo đó bồi thường cho gia đình ông C, bà Đ 400m² đất ở với đơn giá 40.000đ/m², 119m² đất vườn với đơn giá 17.000đ/m². Tháng 4/2006, hộ ông C, bà Đ đã nhận tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 39.610.000đ.

Ngày 24/11/2017, cho rằng UBND huyện M thu hồi đất năm 2005 nhưng khi thực hiện bồi thường áp dụng đơn giá cũ không áp dụng đơn giá năm 2005, ông Bùi Ngọc T và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã X, huyện M (trong đó có hộ bà Đinh Thị Đ) có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện M.

Ngày 19/01/2018, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện M, ông Bùi Ngọc T và ông Bùi Quang A đại diện cho các hộ dân tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh T với nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã X nằm ở vị trí 1 khu vực 2 nhưng UBND huyện M xác định vị trí 3 khu vực 2 là không đúng; UBND huyện M không bồi thường theo Quyết định số 4307/2004/UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh quy định đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh T là không đảm bảo quyền lợi cho các hộ dân.

Ngày 30/3/2018, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1096/QĐ-UBND với nội dung: Khiếu nại của ông Bùi Ngọc T và ông Bùi Quang A là không có cơ sở.

Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại trên, bà Đinh Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T giải quyết: Hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh T và Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện M, yêu cầu áp giá bồi thường lại cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 29/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định: Bác đơn khởi kiện của bà Đinh Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện M, hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc T, ông Bùi Quang A và một số công dân xã X, huyện M và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ bà Đinh Thị Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/09/2019, bà Đinh Thị Đ có đơn kháng cáo hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đinh Thị Đ, ông Bùi Quang A và ông Bùi Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/12/2018, bà Đinh Thị Đ khởi kiện đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện M và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh T là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện M và Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh T:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND huyện M và Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung: Về bồi thường đất nông nghiệp, thực hiện dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh, tại Quyết định số 3506/QĐ-UB ngày 04/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh T, kèm theo Tờ trình số 348/TTr-UB ngày 18/6/2004 của UBND huyện M, hộ gia đình bà Đinh Thị Đ bị thu hồi 1.243m² đất trồng màu tại thửa 146 và 266m² đất trồng màu tại thửa 196, tờ bản đồ 08, thuộc “Sơ đồ tuyến đường Hồ Chí Minh”. Tại thời điểm này Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh T chỉ quy định khung giá đối với đất nông nghiệp cao nhất là 9.800đ/m², thấp nhất là 870đ/m². Tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện M quy định về giá đất nông nghiệp giữ nguyên mức giá như Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND. Do đó, hộ gia đình bà Đ được bồi thường đất sản xuất nông nghiệp với đơn giá 9.800đ/m² là mức giá cao nhất theo Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND của UBND tỉnh T là đã đảm bảo quyền lợi.

[2.3] Về bồi thường đất ở: Theo trình bày của UBND huyện M thì hộ gia đình bà Đ không thuộc diện phải thu hồi, nhưng sau khi giải phóng mặt bằng; đất ở của hộ bà Đ bị thấp so với độ cao của đường ảnh hưởng đến việc đi lại nên đã được kiểm kê và bồi thường theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 25/01/2006 của UBND tỉnh T; theo đó bồi thường đất ở 400m² với đơn giá 40.000đ/m², đất vườn 116m² với đơn giá 17.000đ/m². Tháng 4/2006 hộ bà Đ đã nhận số tiền bồi thường là 39.610.000đ và không có khiếu nại gì. Tại thời điểm phê duyệt bồi thường, Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh T về “*quy định giá các loại đất*”, tại Biểu số 7 quy định đất ở miền núi khu vực 1, vị trí 3, đơn giá 40.000đ/m² và tại Điều II giao cho “... UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ quy định tại quyết định này ... *khẩn trương phân vùng, phân hạng đất, phân loại đường và vị trí cụ thể ở địa phương để thực hiện* ...”. Tại Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của UBND huyện M về việc “*Phân hạng đất nông nghiệp, phân khu vực, vị trí đất ở và đất sản xuất kinh doanh tại xã X*”, đất ở tại xã X chia ba khu vực, nhưng cả ba khu vực đều xác định một vị trí là vị trí 3. Do đó, hộ bà Đ được bồi thường đất ở với đơn giá 40.000đ/m² là theo đúng Quyết định số 4307/QĐ-UBND của UBND tỉnh T.

[2.4] Về bồi thường đất vườn: Tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh T quy định giá đất trồng cây lâu năm khu vực miền núi, đất hạng một là 10.000đ/m², đất hạng hai là 7.500đ/m², đất hạng ba là

5.000đ/m²; quy định đối với đất vườn, ao màu xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì giá đất được quy định bằng mức giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng. Tại Quyết định số 900/QĐ-UBND của UBND huyện M phân loại đất trồng cây lâu năm tại xã X chỉ có đất hạng ba; theo đó đất vườn của hộ bà Đ được áp giá 5.000đ/m² và được hỗ trợ 30% đơn giá đất ở bằng 17.000đ/m² là đúng quy định nêu trên.

[3] Tại các Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện M và Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc T, ông Bùi Quang A và một số công dân xã X, huyện M đã không chấp nhận khiếu nại là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác các yêu cầu của bà Đ đề nghị huỷ quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên và bác yêu cầu được áp giá bồi thường lại cho gia đình bà Đ là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ.

[4] Về án phí: Hộ gia đình bà Đ thuộc xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, là đối tượng được trợ giúp pháp lý nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Về án phí: Bà Đinh Thị Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho ông Bùi Văn N (nộp thay cho bà Đinh Thị Đ) số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/0006916 ngày 23/9/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, P.HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình